

**PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên huyện	Số dự án cần thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Doanh nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng	42	97,05	29,19			67,86	191,12	2,43	0,01	122,15	13,73	52,79	
1	Thành phố Hà Tĩnh	1	0,05	0,02			0,03	0,80				0,80		Phụ lục 1.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	1	0,58				0,58	7,50			7,50			Phụ lục 1.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	3	1,55				1,55	2,43	2,43					Phụ lục 1.3.
4	Huyện Nghi Xuân	7	52,73	2,30			50,43	51,36			1,00	1,16	49,20	Phụ lục 1.4.
5	Huyện Thạch Hà	14	27,27	16,24			11,03	114,25			101,81	10,55	1,89	Phụ lục 1.5.
6	Huyện Cẩm Xuyên	2	0,38	0,38				0,21			0,17	0,04		Phụ lục 1.6.
7	Huyện Hương Sơn	1	0,50				0,50	0,52				0,52		Phụ lục 1.7.
8	Huyện Đức Thọ	4	10,86	10,06			0,80	11,94			11,64	0,30		Phụ lục 1.8.
9	Huyện Kỳ Anh	8	0,73	0,19			0,54	0,41		0,01	0,03	0,36		Phụ lục 1.9.
10	Huyện Vũ Quang	1	2,40				2,40	1,70					1,70	Phụ lục 1.10.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)		(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+.....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Tổng	0,05	0,02			0,03		0,80				0,80			
1	Đất giao thông	0,05	0,02			0,03		0,8				0,8			
1	QH đường trục thôn ra sân bóng xóm Nam Quang	0,05	0,02			0,03	Xóm Nam Quang, xã Thạch Trung	0,8				0,8		Văn bản số 285/UBND-TCKH,QLĐT của UBND thành phố Hà Tĩnh ngày 29/5/2020 về việc mở rộng tuyến đường trục thôn ra sân thể thao thôn Nam Quang, Bắc Quang	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5))+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Tổng	0,58				0,58		7,50			7,50				
I	Đất giao thông	0,58				0,58		7,50			7,50				
1	Xây dựng các tuyến đường chính trang đô thị bổ sung 6 tháng cuối năm 2020	0,58				0,58	Phường Trung Lương, xã Thuận Lộc, phường Đâu Liêu	7,50			7,50				
	- Phường Trung Lương (4 tuyến đường)	0,24				0,24	TDP Tuần Cầu, Phúc Sơn, phường Trung Lương	3,50			3,50			Văn bản số 622/UBND-QLĐT, ngày 13/5/2010 của UBND thị xã về việc bổ sung danh mục chính trang đô thị thực hiện năm 2020	
	- Xã Thuận Lộc (13 tuyến đường)	0,20				0,20	Xã Thuận Lộc	2,00			2,00			Văn bản số 622/UBND-QLĐT, ngày 13/5/2010 của UBND thị xã về việc bổ sung danh mục chính trang đô thị thực hiện năm 2020	
	- Phường Đâu Liêu (5 tuyến đường)	0,14				0,14	Phường Đâu Liêu	2,00			2,00			Văn bản số 515/UBND-QLĐT, ngày 20/4/2010 của UBND thị xã về việc bổ sung danh mục chính trang đô thị thực hiện năm 2020	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 1.3. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020

CỦA THỊ XÃ KỶ ANH

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Tổng	1,55				1,55		2,43	2,43						
I	Đất giao thông	0,25				0,25		0,22	0,22						
1	Mở rộng đường trục ngang KĐT Trung tâm - KĐT du lịch Kỳ Ninh giai đoạn 1 (thuộc quy hoạch đường 62m)	0,25				0,25	Thôn Vĩnh Thuận, Kỳ Ninh	0,22	0,22					QĐ số 2063/QĐ-UBND của UBND tỉnh v/v phê duyệt QH chi tiết XD Khu đô thị du lịch Kỳ Ninh (tỷ lệ 1/2000)	
II	Đất thủy lợi	1,30				1,30		2,21	2,21						
1	Kè chống sạt lở bờ Sông Trí đoạn qua xã kỳ Hưng (nay là phường Hưng Trí)	0,90				0,90	P.Hưng Trí	1,35	1,35					Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 19/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản 6330/UBND-NL ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh	
2	Kè chống sạt lở bờ Sông Trí đoạn qua phường Hưng Trí	0,40				0,40	P.Hưng Trí	0,86	0,86					Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.4. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN NGHI XUÂN**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
7	Tổng	52,73	2,30			50,43		51,36			1,00	1,16	49,20		
I	Đất ở	51,05	2,30			48,75		50,16				1,16	49,00		
1	Quy hoạch xen dầm dân cư thôn 5	0,50	0,40			0,10	Xã Xuân Lĩnh	0,30				0,30		Bản đồ quy hoạch phân lô của UBND huyện Nghi Xuân	
2	Quy hoạch đất ở thôn Hội Tiến	0,15				0,15	Xã Xuân Hội	0,08				0,08		Văn bản số 116/HĐND ngày 23/3/2020 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh	
3	Quy hoạch đất ở thôn 7	0,90	0,90				Xã Xuân Hồng	0,48				0,48		Bản đồ quy hoạch phân lô của UBND huyện Nghi Xuân	
4	Quy hoạch đất ở thôn 1	0,50				0,50	Xã Xuân Hồng	0,30				0,30		Bản đồ quy hoạch phân lô của UBND huyện Nghi Xuân	
5	Khu đô thị mới Xuân Thành	49,00	1,00			48,00	Xã Xuân Thành, Cổ Đạm	49,00					49,00	Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh	
II	Đất tín ngưỡng	0,20				0,20		0,20					0,20		
1	Mở rộng chùa Mãn Nguyệt	0,20				0,20	Xã Xuân Phổ	0,20					0,20	Công văn số 2410/UBND-NL2 ngày 03/6/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh	
III	Đất giao thông	1,48				1,48		1,00			1,00				
1	Bãi đậu xe, đường nối Quốc Lộ 1A vào Khu di tích LS-VH Quốc gia Đền chợ Cùi, xã Xuân Hồng	1,48				1,48	Xã Xuân Hồng	1,00				1,00		Tờ trình số 97/TTr-BQLDA ngày 20/5/2020 của UBND huyện Nghi Xuân	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.5. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Tổng	27,27	16,24			11,03		114,25			101,81	10,55	1,89		
I	Đất cụm công nghiệp	1,40	1,40					1,89					1,89		
1	Đất Cụm công nghiệp	1,40	1,40				Thôn Bùi Xá, xã Việt Tiến	1,89					1,89	Bản đồ điều chỉnh mở rộng quy hoạch mặt bằng sử dụng đất Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Phù Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2000, ngày 18/7/2016.	
II	Đất giao thông	17,68	8,80			8,88		101,81			101,81				
1	Đường Hàm Nghi kéo dài	17,68	8,80			8,88	Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	101,81			101,81			Văn bản số 3031/UBND-NL2 ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài và GPMB tạo Quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất hai bên đường gắn với quy hoạch VCN phía Tây TP Hà Tĩnh	
III	Đất ở nông thôn	8,19	6,04			2,15		10,55				10,55			
1	Đất ở nông thôn	2,10	2,10				Thôn Nam Lĩnh, thôn Tùng Sơn, xã Nam Điền	2,83				2,83		Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư thôn Nam Lĩnh, xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 28/09/2018	
2	Đất ở nông thôn (xen dăm) xã Thạch Đinh cũ	0,30	0,10			0,20	Toàn xã, xã Đinh Bàn	0,27				0,27		Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất xen dăm dân cư xã Thạch Đinh, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 03/04/2018	
3	Đất ở nông thôn	0,25				0,25	Tổ 10, thôn Tây Sơn, xã Đinh Bàn	0,34				0,34		Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở dân cư tổ 10, thôn Tây Sơn, xã Thạch Đinh, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 19/05/2019	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
4	Đất ở nông thôn	0,97	0,97				Thôn Đông Hà 1, xã Thạch Long	1,31				1,31		Quyết định 7199/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện Thạch Hà phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đông Hà 1 xã Thạch Long	
5	Đất ở nông thôn (xen dầm)	0,50				0,50	Các thôn xã Lưu Vĩnh Sơn	0,31				0,31			
6	Đất ở nông thôn	0,12	0,12				Thôn Yên Nghĩa, xã Lưu Vĩnh Sơn	0,16				0,16		Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư, thôn Yên Nghĩa, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà tỷ lệ 1/500 tháng	
7	Đất ở nông thôn	0,30	0,30				Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn	0,40				0,40		Quy hoạch xen dầm khu dân cư thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 20/5/2020.	
8	Đất ở nông thôn	0,70	0,70				Thôn Sâm Lộc, xã Tượng Sơn	0,94				0,94		Quy hoạch xen dầm khu dân cư thôn Sâm Lộc, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 20/4/2019.	
9	Đất ở nông thôn	0,80	0,80				Vùng Ngõ Phượng, thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	1,08				1,08		Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư thôn Trung Hòa, xã Thạch Tân cũ, tỷ lệ 1/500, ngày 07/07/2019.	
10	Đất ở nông thôn	0,35	0,35				Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	0,47				0,47		Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 27/03/2016.	
11	Đất ở nông thôn	0,60	0,60				Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,81				0,81		Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư vùng Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, phê duyệt 30/10/2019.	
12	Đất ở nông thôn	1,20				1,20	Thôn Gia Ngải 1, xã Thạch Long	1,62				1,62		Quy hoạch chi tiết khu dân cư vùng giáp nhà thờ Long Thủy thôn Gia Ngải 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 19/7/2019.	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.6. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN CẨM XUYỀN**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+... (7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Tổng	0,38	0,38					0,21			0,17	0,04			
I	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,31	0,31					0,17			0,17				
1	Mở rộng trường mầm non Lê Duẩn	0,31	0,31				Thôn Quốc Tiến, xã Cẩm Duệ	0,17			0,17			Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh về việc cho phép khảo sát lập QH mở rộng trường Mầm non Lê Duẩn xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên.	
II	Đất ở tại nông thôn	0,07	0,07					0,04				0,04			
1	Đất ở tại nông thôn	0,07	0,07				Thôn Tân Trung Thủy, xã Cẩm Lộc	0,04				0,04		Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 1/4/2013 của UBND huyện Cẩm Xuyên về việc phê quy hoạch xen ghép đất ở dân cư thôn 8, xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên.	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.7. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Tổng	0,50				0,50		0,52				0,52			
I	Đất ở tại nông thôn	0,50				0,50		0,52				0,52			
1	Đất ở nông thôn	0,50				0,50	Thôn Anh Sơn, xã Sơn Hàm	0,52				0,52		Quy hoạch chi tiết của UBND huyện Hương Sơn phê duyệt ngày 9/4/2020	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 1.8. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020

CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Tổng	10,86	10,06			0,80		11,94			11,64	0,30			
I	Đất ở nông thôn	1,16	0,36			0,80		0,19				0,19			
1	Đất ở Quang Tiến	0,66	0,19			0,47	Thôn Quang Tiến xã Thanh Bình Thịnh	0,05				0,05		QĐ số 3094/QĐ-UBND, ngày 08/4/2015 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt QH chi tiết đất ở dân cư năm 2015	
2	Khu dân cư công xóm 6 thôn Cữu Yên	0,42	0,14			0,28	Thôn Yên Cừ, xã Trường Sơn	0,03				0,03		QĐ số: 2519/QĐ - UBND ngày 17/4/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Trường Sơn	
3	Khu dân cư thôn Ninh Thái	0,08	0,03			0,05	Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	0,11				0,11		QĐ số: 2519/QĐ - UBND ngày 17/4/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Trường Sơn	
II	Đất ở đô thị	9,7	9,7					11,75			11,64	0,11			
1	QH khu nhà ở đô thị khu vực nhà lay trên Thị trấn đức thọ	9,7	9,7				Nhà lay trên Thị trấn đức thọ	11,75			11,64	0,11		Văn bản số 1163/TTr- UBND ngày 27/5/2020 của UBND huyện Đức Thọ	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.9. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN KỶ ANH**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
8	Tổng	0,73	0,19			0,54		0,41		0,01	0,03	0,36			
I	Đất công trình năng lượng	0,28	0,19			0,09		0,05		0,01	0,03				
1	Chống quá tải lưới điện các xã Kỳ Tây, Kỳ Tân, Kỳ Khang, Kỳ Phong huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2017	0,06	0,03			0,03	Các xã Kỳ Văn, Kỳ Trug, Kỳ Tây, Kỳ Tân, Kỳ Khang, Kỳ Phong	0,05		0,01	0,03			QĐ số 184/QĐ-EVN NPC ngày 24/1/2017 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc	
2	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã phía Tây, Đông huyện Kỳ Anh và phường Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh - thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2018	0,13	0,07			0,06	Xã Kỳ Sơn, Kỳ Thượng, Kỳ Hợp, Kỳ Lâm, Kỳ Thọ, Kỳ Xuân, Kỳ Khang							QĐ số 831/QĐ-EVN NPC ngày 02/4/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc	
3	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các huyện phía nam tỉnh Hà Tĩnh năm 2018	0,09	0,09				Xã Kỳ Khang, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Xuân							QĐ 3041/QĐ-EVN NPC ngày 11/10/2018 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc	
II	Đất ở tại nông thôn	0,45				0,45		0,36				0,36			
1	Đất ở nông thôn vùng Phát Lát	0,18				0,18	Thôn Tân Thành, xã Kỳ Giang	0,14				0,14		UBND huyện Kỳ Anh phê duyệt quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500	
2	Xen dầm dân cư nhà văn hoá cũ	0,04				0,04	Thôn Tân Cầu, xã Lâm Hợp	0,03				0,03		Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về phương án sắp xếp nhà đất	
3	Xen dầm dân cư nhà văn hoá cũ	0,05				0,05	Thôn Minh Châu, xã Lâm Hợp	0,04				0,04		Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về phương án sắp xếp nhà đất	
4	Xen dầm dân cư nhà văn hoá cũ	0,03				0,03	Thôn Trường Xuân, xã Lâm Hợp	0,02				0,02		Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về phương án sắp xếp nhà đất	
5	Xen dầm dân cư nhà văn hoá cũ	0,15				0,15	Thôn Kim Nam Tiến, xã Kỳ Tiến	0,12				0,12		Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh về phương án sắp xếp nhà đất	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 1.10. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT (BỔ SUNG) NĂM 2020
CỦA HUYỆN VŨ QUANG**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+..(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)=(10)+..(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
1	Tổng	2,40				2,40		1,70					1,70		
I	Đất tôn giáo	2,40				2,40		1,70					1,70		
1	Mở rộng giáo xứ Vinh Hội	2,40				2,40	Xã Quang Thọ	1,70					1,70	Công văn số 3796/UBND-NL2 ngày 23/6/2017	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2020 CỦA TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên huyện	Tổng công trình, dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RDD	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng cộng	39	37,37	36,39	0,98	0,00	
1	Thành phố Hà Tĩnh	1	0,02	0,02	0,00	0,00	Phụ lục 2.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	5	13,30	13,30	0,00	0,00	Phụ lục 2.2.
3	Nghi Xuân	2	1,40	1,40	0,00	0,00	Phụ lục 2.3.
4	Thạch Hà	18	19,90	19,90	0,00	0,00	Phụ lục 2.4.
5	Cẩm Xuyên	2	0,38	0,38	0,00	0,00	Phụ lục 2.5.
6	Hương Sơn	3	1,32	0,34	0,98	0,00	Phụ lục 2.6.
7	Đức Thọ	4	0,36	0,36	0,00	0,00	Phụ lục 2.7.
8	Kỳ Anh	3	0,19	0,19	0,00	0,00	Phụ lục 2.8.
9	Lộc Hà	1	0,50	0,50	0,00	0,00	Phụ lục 2.9.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

TABLE 1.1. INVESTMENT CAPITAL EXPENDITURE BY TYPE OF BUSINESS AND BY STATE IN THE UNITED STATES: 1992-2000

Year	Total	Manufacturing	Non-manufacturing	Construction	Transportation	Information	Other
1992	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1993	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1994	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1995	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1996	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1997	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1998	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
1999	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0
2000	100.0	45.0	35.0	10.0	5.0	1.0	2.0

PHỤ LỤC 2.2. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2020 CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Tổng	13,30	13,30	0,00	0,00			
I	Đất nông nghiệp khác	12,30	12,30	0,00	0,00			
1	Trang trại sản xuất giống và trồng cây ăn quả thương phẩm theo hướng công nghệ cao	3,20	3,20			TDP3, phường Đạ Liêu	Văn bản số 587/UBND-TCKH ngày 6/5/2020 của UBND thị xã Hồng Lĩnh V/v thẩm định nội dung hồ sơ đề xuất đầu tư dự án "Trang trại sản xuất giống và trồng cây ăn quả thương phẩm theo hướng công nghệ cao" tại phường Đạ Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	
2	Dự án chăn nuôi gà	1,00	1,00			Xã Thuận Lộc	Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án trang trại chăn nuôi gà thịt chất lượng cao tại xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh	
3	Dự án trồng dâu nuôi tằm khu vực ngoài đô phường Trung Lương	7,00	7,00			Khu vực ngoài đô phường Trung Lương	Quyết định 788/QĐ-UBND ngày 26/3/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu phường Trung Lương và phường Đức Thuận	
4	Dự án đầu tư trồng lúa kết hợp nuôi trồng và khai thác thủy sản, trồng cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm phường Trung Lương của ông Nguyễn Xuân Mạnh	1,10	1,10			TDP Tuần Cầu, phường Trung Lương	QĐ số 546/QĐ-UBND, ngày 16/4/2015 của UBND thị xã Hồng Lĩnh V/v chấp thuận chủ trương đầu tư và giới thiệu địa điểm cho phép khảo sát lập dự án đầu tư trồng lúa kết hợp nuôi trồng và khai thác thủy sản; trồng cây lấy gỗ, cây ăn quả lâu năm, phường Trung Lương của ông Nguyễn Xuân Mạnh	
II	Đất thương mại dịch vụ	1,00	1,00	0,00	0,00			
1	Dự án đầu tư cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải và mua, bán máy móc thiết bị công trình Hồng Lĩnh tại phường Đạ Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	1,00	1,00			TDP1, phường Đạ Liêu	Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh quyết định số 3447/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải và mua, bán máy móc thiết bị công trình Hồng Lĩnh tại phường Đạ Liêu, thị xã Hồng Lĩnh	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.3. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ,
ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG) NĂM 2020 CỦA HUYỆN NGHI XUÂN**
(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	Tổng	1,40	1,40	0,00	0,00			
I	Đất ở	1,40	1,40	0,00	0,00			
1	Quy hoạch xen dăm dân cư thôn 5	0,40	0,40			Xã Xuân Lĩnh	Bản đồ quy hoạch phân lô của UBND huyện Nghi Xuân	
2	Khu đô thị mới Xuân Thành	1,00	1,00			Xã Xuân Thành	Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.4. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG)
NĂM 2020 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
18	Tổng	19,90	19,90					
I	Đất nông nghiệp khác	0,45	0,45					
1	Trang trại chăn nuôi tổng hợp	0,45	0,45			Đông Cồn Trưa, thôn Sâm Lộc, xã Tượng Sơn	Quyết định số: 10237/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện Thạch Hà về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi tổng hợp và nuôi trồng thủy sản tại xã Tượng Sơn của ông Trần Ngọc Hòa	
II	Đất cụm công nghiệp	1,40	1,40					
1	Đất khu công nghiệp	1,40	1,40			Thôn Bùi Xá, xã Việt Tiến	Bản đồ điều chỉnh mở rộng quy hoạch mặt bằng sử dụng đất Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Phù Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/2000, ngày 18/7/2016.	
III	Đất thương mại, dịch vụ	0,61	0,61					
1	Dự án cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp BIN MART	0,40	0,40			Thôn Tân Lộc, xã Việt Tiến	Quyết định số: 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án cơ sở kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp BIN MART	
2	Dự án nhà hàng ăn uống và kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp	0,21	0,21			Thôn Tri Khê, xã Thạch Sơn	Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà hàng ăn uống và kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà của ông Nguyễn Văn Kỳ.	
IV	Đất giao thông	8,80	8,80					
1	Đường Hàm Nghi kéo dài	8,80	8,80			Xã Thạch Đài, xã Thạch Xuân	Văn bản số 3031/UBND-NL2 ngày 13/5/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài và GPMB tạo Quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất hai bên đường gắn với quy hoạch VCN phía Tây TP Hà Tĩnh.	
V	Đất ở tại nông thôn	8,64	8,64					
1	Đất ở nông thôn	2,10	2,10			Thôn Nam Lĩnh, thôn Tùng Sơn, xã Nam Điền	Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư thôn Nam Lĩnh, xã Thạch Điền, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 28/09/2018	
2	Đất ở nông thôn (xen dầm) xã Thạch Đình cũ	0,10	0,10			Toàn xã, xã Đình Bàn	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất xen dầm dân cư xã Thạch Đình, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 03/04/2018	
3	Đất ở nông thôn	0,90	0,90			Thôn Liên Phố, xã Thạch Hội	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất thôn Liên Phố, xã Thạch Hội, huyện Thạch Hà, ngày 12/07/2017.	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Đất ở nông thôn	0,20	0,20			Vùng Nhà Máy, thôn Hòa Hợp, xã Thạch Kênh	Quy hoạch chi tiết đất ở thôn Hòa Hợp, xã Thạch Kênh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500, ngày 10/01/2020.	
5	Đất ở nông thôn	0,97	0,97			Thôn Đông Hà 1, xã Thạch Long	Quyết định 7199/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện Thạch Hà phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đông Hà 1 xã Thạch Long	
6	Đất ở nông thôn	0,80	0,80			Thôn Thiên Thai, xã Lưu Vĩnh Sơn	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở khu dân cư vùng Thầu Dầu, thôn Thiên Thai, xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, năm 2019	
7	Đất ở nông thôn	0,12	0,12			Thôn Yên Nghĩa, xã Lưu Vĩnh Sơn	Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư, thôn Yên Nghĩa, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, tháng 6/2018.	
8	Đất ở nông thôn	0,30	0,30			Thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn	Quy hoạch xen dăm khu dân cư thôn Phú Sơn, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 20/5/2020.	
9	Đất ở nông thôn	0,70	0,70			Thôn Sâm Lộc, xã Tượng Sơn	Quy hoạch xen dăm khu dân cư thôn Sâm Lộc, xã Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 20/4/2019.	
10	Đất ở nông thôn	0,80	0,80			Vùng Ngõ Phượng, thôn Trung Hòa, xã Tân Lâm Hương	Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư thôn Trung Hòa, xã Thạch Tân cũ, tỷ lệ 1/500, ngày 07/07/2019.	
11	Đất ở nông thôn	0,30	0,30			Vùng Đồng Làng, thôn Yên Lạc, xã Thạch Thắng	Văn bản số 2198/UBND ngày 23/09/2019 của UBND huyện Thạch Hà về việc đồng ý chủ trương khảo sát, lập quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ở tại xã Thạch Thắng.	
12	Đất ở nông thôn	0,35	0,35			Thôn Trung Phú, xã Thạch Thắng	Quy hoạch chi tiết đất ở dân cư xã Thạch Thắng, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, ngày 27/03/2016.	
13	Đất ở nông thôn	0,60	0,60			Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	Quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng sử dụng đất khu dân cư vùng Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, tỷ lệ 1/500, phê duyệt 30/10/2019.	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 2.5. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỒ SUNG) NĂM 2020 CỦA HUYỆN CẨM XUYỀN

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2		0,38	0,38	0,00	0,00			
I	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,31	0,31	0,00	0,00			
1	Mở rộng trường mầm non Lê Duẩn	0,31	0,31			Thôn Quốc Tiến xã Cẩm Duệ	Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của UBND tỉnh về việc cho phép khảo sát lập QH mở rộng trường Mầm non Lê Duẩn xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên.	
II	Đất ở tại nông thôn	0,07	0,07	0,00	0,00			
1	Đất ở tại nông thôn	0,07	0,07			Thôn Tân Trung Thủy, xã Cẩm Lộc	Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 1/4/2013 của UBND huyện Cẩm Xuyên về việc phê quy hoạch xen ghép đất ở dân cư thôn 8, xã Cẩm Lộc, huyện Cẩm Xuyên.	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.6. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG)
NĂM 2020 CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Tổng	1,32	0,34	0,98	0,00			
I	Đất thương mại dịch vụ	1,32	0,34	0,98	0,00			
1	Qh đất thương mại dịch vụ	0,21	0,21			Xã Sơn Giang	Quyết định số 279/QĐ - UBND, ngày 22 tháng 1 năm 2019 về chủ trương đầu tư trung tâm dịch vụ tổng hợp nội thất cao cấp vật liệu xây dựng tại xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.	
2	Khu du lịch sinh thái Hải Thượng	0,98		0,98		Xã Sơn Trung	Quyết định số 2708/QĐ - UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018 về Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu du lịch sinh thái Hải Thượng tại xã Sơn Trung, Hương Sơn, Hà Tĩnh (tỷ lệ 1/500)	
3	Qh đất thương mại dịch vụ	0,13	0,13			TT Phố Châu	Quyết định số 2979/QĐ - UBND, ngày 04 tháng 09 năm 2018 về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu kinh doanh thương mại dịch vụ tổng hợp và nhà hàng ăn uống Hải Huyền tại TT Phố Châu huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**PHỤ LỤC 2.7. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG)
NĂM 2020 CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Tổng	0,36	0,36	0,00	0,00			
I	Đất ở							
1	Đất ở Quang Tiến	0,19	0,19			Thôn Quang Tiến xã Thanh Bình Thịnh	QĐ số 3094/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt QH chi tiết đất ở dân cư năm 2015 xã Đức Thịnh	
2	Khu dân cư công xóm 6 thôn Cừ Yên	0,14	0,14			Thôn Yên Cừ, xã Trường Sơn	QĐ số 2519/QĐ - UBND ngày 17/4/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Trường Sơn	
3	Khu dân cư thôn Ninh Thái	0,03	0,03			Thôn Ninh Thái, xã Trường Sơn	QĐ số 2519/QĐ - UBND ngày 17/4/2020 của UBND huyện Đức Thọ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Trường Sơn	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ LỤC 2.8. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG (BỔ SUNG)
NĂM 2020 CỦA HUYỆN KỶ ANH**

(Kèm theo Tờ trình số 230/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích xin chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3		0,19	0,19	0,00	0,00			
I	Đất năng lượng	0,19	0,19	0,00	0,00			
1	Chống quá tải lưới điện các xã Kỳ Tây, Kỳ Tân, Kỳ Khang, Kỳ Phong huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2017	0,03	0,03			Các xã Kỳ Văn, Kỳ Trug, Kỳ Tây, Kỳ Tân, Kỳ Khang, Kỳ Phong	QĐ số 184/QĐ-EVN NPC ngày 24/1/2017 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc	
2	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã phía Tây, Đông huyện Kỳ Anh và phường Kỳ Thịnh, Kỳ Trinh - thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh năm 2018	0,07	0,07			Xã Kỳ Sơn, Kỳ Thượng, Kỳ Hợp, Kỳ Lâm, Kỳ Thọ, Kỳ Xuân, Kỳ Khang	QĐ số 831/QĐ-EVN NPC ngày 02/4/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc	
3	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các huyện phía nam tỉnh Hà Tĩnh năm 2018	0,09	0,09			Xã Kỳ Khang, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Xuân	QĐ 3041/QĐ-EVN NPC ngày 11/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

TABLE 1. SUMMARY OF THE DATA FOR THE 1990-1991 FLOODING OF THE GREAT LAKES BASIN

State	Area (sq. miles)			Population	Flooded Area (sq. miles)	Flooded Population
	Total	Flooded	Percentage			
Illinois	149,997	1,000	0.7%	10,000,000	1,000,000	10%
Indiana	36,422	1,000	2.7%	5,000,000	500,000	10%
Michigan	96,860	1,000	1.0%	10,000,000	1,000,000	10%
Ohio	44,826	1,000	2.2%	10,000,000	1,000,000	10%
Wisconsin	65,357	1,000	1.5%	10,000,000	1,000,000	10%
Total	393,462	5,000	1.3%	50,000,000	5,000,000	10%